

Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan tới đau cột sống ở người bệnh từ 18 đến 35 tuổi

Nguyễn Thị Ngọc Thủy¹, Trần Thị Tâm¹

¹ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

*Tác giả liên hệ

Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Điện thoại: 0936883877
Email: ntnthuy@hpmu.edu.vn

Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 15/03/2023
Ngày phản biện: 21/03/2023
Ngày duyệt bài: 16/05/2023

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến đau cột sống ở người bệnh từ 18 đến 35 tuổi mắc bệnh lý cột sống. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp mô tả cắt ngang trên tất cả bệnh nhân từ 18- 35 tuổi có hội chứng cột sống đến khám và điều trị tại khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2020. **Kết quả:** 45 bệnh nhân đủ điều kiện nghiên cứu, chiếm tỷ lệ 18,2%, trong đó tỷ lệ nam (45,5%) mắc bệnh thấp hơn nữ (55,5%). Đặc điểm đau cột sống ở người trẻ tuổi đó là đau vùng thắt lưng, đau mạn tính trên 12 tuần, mức độ đau trung bình, đau cơ học và xuất hiện tự nhiên chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 64,4%; 77,8%; 77,8%; 100% và 93,3%. Triệu chứng co cứng cơ cạnh sống và mất đường cong sinh lý phổ biến trên lâm sàng với tỷ lệ lần lượt là 91,1% và 71,1%. Không phát hiện hình ảnh bất thường trên Xquang cột sống chiếm tỷ lệ cao nhất với 51,1%. Tư thế lao động cúi và cường độ lao động có liên quan tới đau cột sống ở người bệnh từ 18- 35 tuổi, có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Những triệu chứng biểu hiện tại chỗ là thường gặp ở bệnh lý cột sống người trẻ tuổi. Một số yếu tố về tư thế và cường độ lao động có liên quan tới đau cột sống ở nhóm đối tượng này.

Từ khóa: Bệnh lý cột sống, đau cột sống

The clinical, subclinical characteristics and some factors related to spinal pain in patients from 18 to 35 years old

ABSTRACT : Objectives: To describe the clinical, paraclinical characteristics and some factors related to spinal pain in patients from 18 to 35 years old with spine disorders. **Materials and methods:** Cross-sectional descriptive method on all patients from 18-35 years old with spinal syndrome who came for examination and treatment at the Rehabilitation department in Hai Phong Medical University Hospital, from January to March 2020. **Results:** 45 patients were eligible for the study, accounting for 18.2%, of which the proportion of men (45.5%) was lower than that of women (55.5%). The characteristics of spinal pain in young people are low back pain, chronic pain over 12 weeks, moderate pain, mechanical pain, and natural occurrence accounting for the highest percentage, respectively: 64.4%; 77.8%; 77.8%; 100%, and 93.3%. Symptoms of paraspinal muscle spasticity and loss of physiological curve were common in clinical practice with the rate of 91.1% and 71.1%, respectively. No abnormal images were detected on the X-ray of the spine, accounting for the highest rate with 51.1%. Bowing

working posture and labor intensity are related to spinal pain in young people, statistically significant with $p < 0.05$. **Conclusion:** Local symptoms are common in spine pathology in patients from 18 to 35 years old. Some factors about posture, intensity, and working time are related to spinal pain in this group of subjects. **Keywords:** Spine disorders, spinal pain

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh lý cột sống là một tên gọi chung của rất nhiều bệnh lý với các nguyên nhân từ các vị trí khác nhau như xương cột sống, cơ, dây chằng, đĩa đệm, thần kinh, ... gây ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe cũng như chất lượng cuộc sống của rất nhiều người với nhiều độ tuổi khác nhau. Các nghiên cứu về lĩnh vực này thường đề cập tới một nhóm đối tượng chung mà chưa phân tích đặc điểm lâm sàng, nguyên nhân của từng nhóm đối tượng riêng biệt để có những hiểu biết sâu sắc hơn nhằm điều trị và phòng bệnh hiệu quả hơn. Trong khi đó, độ tuổi từ 18-35 là đối tượng người trẻ tuổi, gánh vác trách nhiệm đa dạng như học tập, lao động, trụ cột kinh tế của gia đình ... đồng thời cũng là đối tượng lao động quan trọng của gia đình và xã hội. Do đó chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu với mục tiêu: “Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét một số yếu tố liên quan tới đau cột sống ở nhóm bệnh nhân trẻ tại khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ tháng 1 đến tháng 3/2020”. Hi vọng kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp thêm một góc nhìn tổng quan về nhóm đối tượng bệnh nhân trẻ tuổi từ 18- 35 tuổi, từ đó sẽ giúp ích cho quá trình điều trị và phòng bệnh cho nhóm đối tượng này.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Tất cả bệnh nhân từ 18 đến 35 tuổi có hội chứng cột sống và/ hoặc hội chứng liên quan tới bệnh lý cột sống đến khám và điều trị tại khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ tháng 1/2020 đến hết tháng 3/2020.

Chúng tôi loại ra khỏi nghiên cứu những bệnh

nhân dưới 18 tuổi và trên 35 tuổi; biểu hiện đau cột sống do nguyên nhân ngoài cột sống như bệnh lý thận, bệnh lý đường tiêu hóa, bệnh lý mạch máu ...

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng từ tháng 1/2020 đến hết tháng 3/2020.

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu tiến cứu, mô tả cắt ngang một loạt ca bệnh.

Cỡ mẫu, chọn mẫu (nếu có)

Cỡ mẫu và chọn mẫu: thuận tiện, thu nhập toàn bộ bệnh nhân thỏa mãn tiêu chí lựa chọn và loại trừ tham gia nghiên cứu, được 45 bệnh nhân trong khoảng thời gian nghiên cứu.

Biến số nghiên cứu

Một số thông tin chung về đối tượng nghiên cứu; các triệu chứng lâm sàng; hình ảnh trên Xquang cột sống, cộng hưởng từ cột sống (nếu có) và một số yếu tố liên quan tới đau cột sống.

Quy trình thu thập số liệu

Mỗi bệnh nhân có một phiếu thu nhập thông tin riêng biệt, ghi chép đầy đủ thông tin hành chính (họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc), các thông tin về thăm khám lâm sàng, kết quả chụp Xquang và cộng hưởng từ cột sống (nếu có)...

Xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0, tính giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, tỉ lệ phần trăm, so sánh 2 tỉ lệ phần trăm ...

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng đạo đức- trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

KẾT QUẢ

Đặc điểm chung của nhóm đối tượng nghiên cứu

Trong khoảng thời gian nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn được 45 bệnh nhân thỏa mãn các tiêu chí, trong số 247 bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, chiếm tỉ lệ 18,2%, trong đó có 20 bệnh nhân là nam (45,5%) và 25 bệnh nhân là nữ (55,5%).

Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của nhóm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Phân bố bệnh nhân theo triệu chứng đau

Đặc điểm đau	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)	
Vị trí đau	Cột sống cổ	13	28,9
	Cột sống ngực	3	6,7
	Cột sống thắt lưng	29	64,4
Thời gian đau	< 4 tuần	8	17,8
	4- 12 tuần	2	4,4
	>12 tuần	35	77,8
Mức độ đau	Đau nhẹ	4	8,9
	Đau trung bình	35	77,8
	Đau nặng	6	13,3
Tính chất đau	Am i liên tục	43	95,6
	Đau nhói từng cơn	11	24,4
	Đau cơ học	45	100
Hoàn cảnh xuất hiện đau	Tự nhiên	42	93,3
	Sau mang vác nặng	18	40,0
	Thay đổi tư thế đột ngột	9	20,0

Nhận xét: Đau vùng thắt lưng, đau mạn tính > 12 tuần, đau mức độ trung bình, tính chất đau cơ học và xuất hiện tự nhiên chiếm tỉ lệ cao nhất, lần lượt là 64,4%, 77,8%, 77,8%, 100% và 93,3%.

Bảng 2. Các triệu chứng lâm sàng khác

Các triệu chứng lâm sàng	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Co cứng cơ cạnh sống	41	91,1
Mất đường cong sinh lý	32	71,1
Dấu hiệu chèn ép rễ	9	20,0

Vẹo cột sống	4	8,9
Mất cảm giác nông	2	4,4
Yếu cơ	1	2,2
Đại tiện tiện không tự chủ	1	2,2

Nhận xét: Các triệu chứng chiếm tỉ lệ cao lần lượt là co cứng cơ cạnh sống (91,1%), mất đường cong sinh lý cột sống (71,1%). Các triệu chứng khác chiếm tỉ lệ thấp.

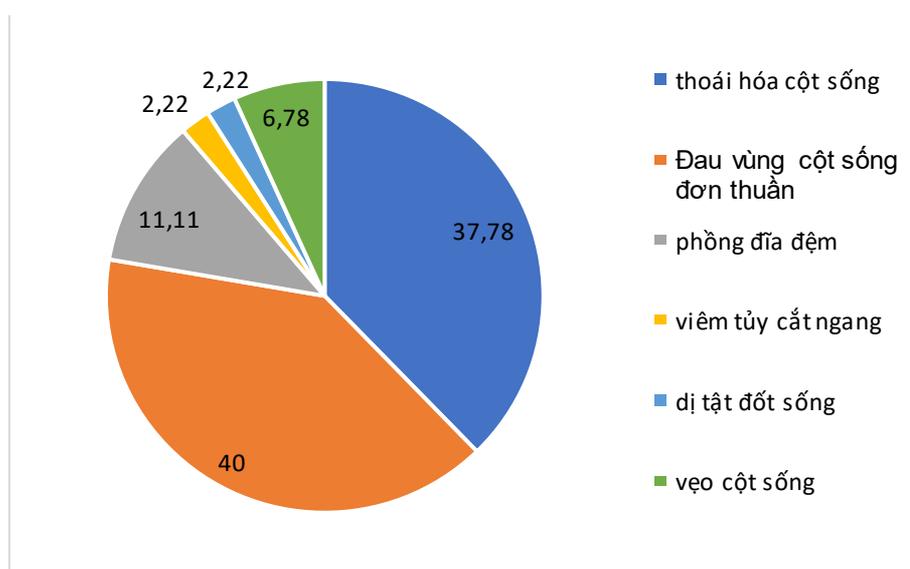
Bảng 3. Phân bố bệnh nhân theo kết quả chẩn đoán hình ảnh

Kết quả chẩn đoán hình ảnh		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Xquang cột sống	Dị dạng đốt sống hình chêm	3	6,7
	Vẹo cột sống	4	8,9
	Vỡ thân đốt sống	1	2,2
	Hình ảnh thoái hóa cột sống	17	37,8
	Bình thường	23	51,1
MRI cột sống	Phồng đĩa đệm	5	11,1
	Thoái hóa cột sống	5	11,1
	Không chụp	35	77,8

Nhận xét:

Hình ảnh cột sống bình thường chiếm tỉ lệ cao nhất với 51,1%. Hình ảnh thoái hóa cột sống chiếm 37,8%.

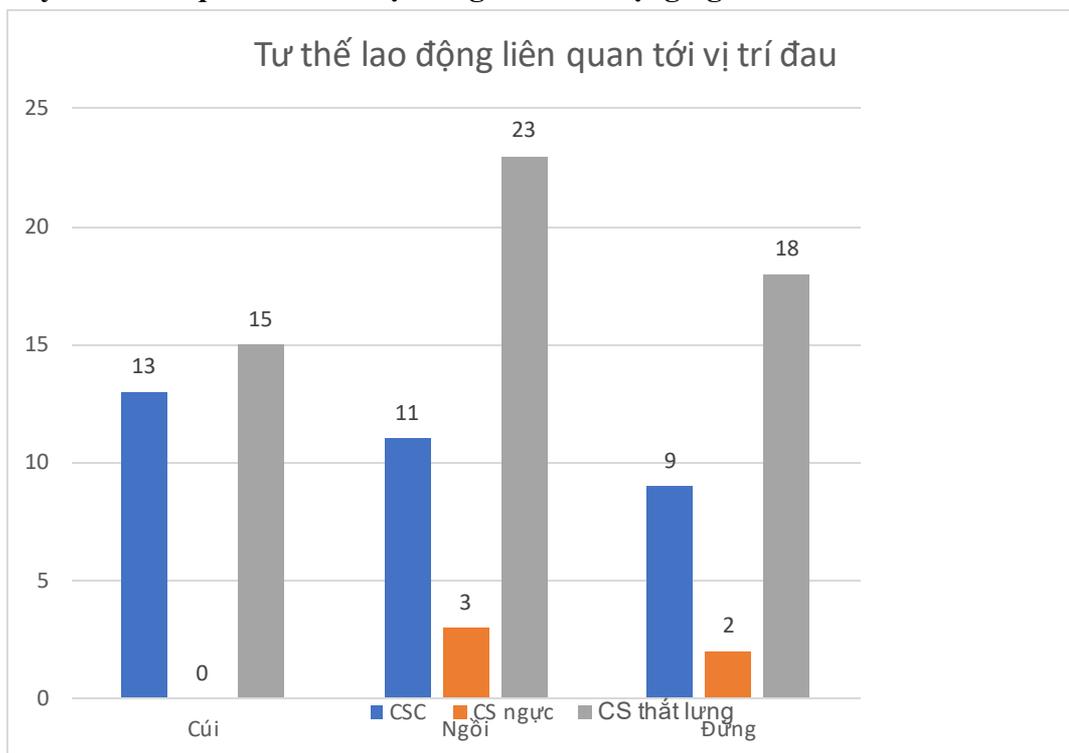
Đại đa số bệnh nhân không chụp MRI cột sống, các hình ảnh phồng đĩa đệm và thoái hóa cột sống chiếm tỉ lệ ngang nhau với 11,1%.



Biểu đồ 1. Phân bố bệnh nhân theo nhóm nguyên nhân

Nhận xét: Bệnh nhân đau vùng cột sống đơn thuần chiếm tỷ lệ cao nhất với 40%, đứng thứ 2 là đau vùng cột sống do thoái hóa với tỷ lệ 37,78%.

Một số yếu tố liên quan tới đau cột sống của đối tượng nghiên cứu



Biểu đồ 2. Phân bố tư thế lao động liên quan tới vị trí đau

Nhận xét: Đau cột sống ở người trẻ tuổi liên quan tới tư thế cúi khi lao động, có ý nghĩa thống kê với $p = 0,001$ đồng thời không liên quan tới tư thế ngồi và đứng khi lao động, với $p > 0,05$.

Bảng 4. Một số yếu tố về công việc liên quan tới mức độ đau cột sống

Yếu tố về công việc	Mức độ đau			p	
	Đau nhẹ	Đau trung bình	Đau dữ dội		
Cường độ công việc	Nhẹ	5	4	2	0,001
	Vừa sức	9	20	1	
	Nặng	0	1	3	
Thời gian lao động	< 8h	6	7	1	0,097
	8h	7	11	1	
	>8h	1	7	4	
Thời gian thay đổi tư thế khi lao động	≤ 45 phút	5	10	3	0,814
	1-2 h	6	10	3	
	>2h	3	5	0	

Nhận xét: Cường độ công việc có liên quan tới tình trạng đau cột sống ở bệnh nhân trẻ tuổi từ 18- 35 tuổi và có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Tần suất thời gian thay đổi tư thế khi lao động

và thời gian lao động liên quan tới đau cột sống ở người trẻ tuổi không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

BÀN LUẬN

Đặc điểm chung của nhóm bệnh nhân nghiên cứu

Tỉ lệ: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhóm bệnh nhân trẻ tuổi từ 18- 35 tuổi chiếm tỉ lệ 18,2% tổng số bệnh nhân đến khám trong thời gian nghiên cứu. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trên thế giới với tỉ lệ dao động từ 15- 30% [1].

Giới: Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỉ lệ nam giới bị bệnh lý cột sống thấp hơn nữ giới. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Tanabe [2] và nghiên cứu của Vujcic [3], trong khi đó nghiên cứu của Lưu Thị Thu Hà trên 615 công nhân và viên chức lao động làm việc tại nhà máy luyện thép cho thấy tỉ lệ mắc bệnh ở nam giới cao hơn so với nữ giới [4]. Sự khác biệt này có thể do, công nhân là nam giới trong nhà máy luyện thép chủ yếu là nam.

Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng

Đặc điểm lâm sàng:

- Về đau:
 - + Vị trí đau: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đau thắt lưng chiếm tỉ lệ cao nhất với 64,4%. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Ayanniyi và cộng sự (2011) [5] và nghiên cứu của Diepenmaat (2006) [6]
 - + Thời gian đau: Đau mạn tính phổ biến hơn với tỉ lệ cao nhất là 77,8%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Lưu Thị Thu Hà (2012) với tỉ lệ đau mạn tính là rất cao với 98,4% [4].
 - + Mức độ đau: Mức độ đau trung bình chiếm tỉ lệ cao nhất với 77,8%.
 - + Tính chất đau: Đau âm ỉ liên tục là tính chất đau thường gặp ở nhóm bệnh nhân trẻ tuổi với tỉ lệ rất cao là 95,6%.
 - + Hoàn cảnh xuất hiện đau: Đau xuất hiện tự nhiên là phổ biến ở nhóm bệnh nhân trẻ tuổi, với tỉ lệ 93,3%.

- Về triệu chứng lâm sàng khác: Co cứng cơ là triệu chứng phổ biến trên lâm sàng của nhóm bệnh nhân trẻ tuổi với tỷ lệ 93,3%, tiếp đến là triệu chứng mất, giảm đường công sinh lý với 71,1%, chèn ép thần kinh chiếm tỉ lệ 20%. Nghiên cứu của Nguyễn Thu Hà cho thấy triệu chứng thay đổi độ cong sinh lý cột sống chiếm tỷ lệ cao nhất là 65,8% và sự chèn ép thần kinh ở người trẻ tuổi chiếm tỷ lệ thấp hơn với 6,2% [7].

- Về chẩn đoán nguyên nhân: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ đau vùng cột sống đơn thuần chiếm tỷ lệ 40%, đau cột sống do thoái hóa chiếm 37,8%, phỏng đĩa đệm chiếm 11,11%, do viêm chiếm 2,22%, do dị tật đốt sống là 2,22% và vẹo cột sống với tỷ lệ là 6,67%. Một nghiên cứu của Cohen trên 154 bệnh nhân mắc bệnh lý về cột sống cho thấy nhóm đau do nguyên nhân cơ học chiếm 65-70%, do bệnh lý thần kinh chiếm 5-15% và do viêm chiếm 1-2% [8].

Đặc điểm cận lâm sàng:

- Hình ảnh trên Xquang cột sống: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy hình kết quả Xquang bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất với 51,1%; thoái hóa cột sống chiếm tỷ lệ thấp hơn với 37,8%. Kết quả này phù hợp kết quả trong phần chẩn đoán nguyên nhân trong nghiên cứu của chúng tôi.

- Hình ảnh trên MRI cột sống: đại đa số bệnh nhân không được chụp MRI cột sống và hình ảnh tổn thương liên quan tới các nguyên nhân từ đĩa đệm, tủy sống chiếm tỉ lệ thấp ở người trẻ tuổi.

Các yếu tố về công việc liên quan tới đau cột sống

Tư thế lao động: Tư thế cúi khi lao động có liên quan tới đau cột sống và có ý nghĩa thống kê với $p = 0,001$. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trên nhân viên Y tế của Đan Mạch (2013) [10]. Trong khi đó, tư thế đứng và ngồi chưa tìm thấy mối liên quan tới đau cột sống

ở người trẻ tuổi trong nghiên cứu của chúng tôi. Điều này chưa phù hợp với một số nghiên cứu trên thế giới, họ chỉ ra mối liên quan giữa tư thế ngồi kéo dài là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến đau lưng, đồng thời nghiên cứu của Nguyễn Đình Dũng (2004) cũng chỉ ra rằng công nhân làm việc ở tư thế đứng dẫn đến đau vùng cột sống cổ và thắt lưng [11].

Cường độ công việc: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy cường độ công việc có liên quan tới đau cột sống ở người trẻ tuổi, có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Clausen và cộng sự (2013) [10].

Thời gian làm việc: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chưa tìm thấy sự liên quan giữa thời gian lao động và mức độ đau cột sống ở người trẻ tuổi, với $p < 0,05$. Kết quả này chưa tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bích và cộng sự [12].

Tần suất thời gian thay đổi tư thế khi lao động: chúng tôi chưa phát hiện được mối liên quan giữa yếu tố này với mức độ đau cột sống ở người trẻ tuổi. Kết quả này chưa tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thu Hà (2002) [7]. Sự chưa tương đồng này có thể do cỡ mẫu trong nghiên cứu của chúng tôi còn ít và đối tượng nghiên cứu của chúng tôi đa dạng hơn so với đối tượng nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thu Hà tập trung trên nhóm công nhân nữ lao động trong những khu công nghiệp.

KẾT LUẬN

Những triệu chứng biểu hiện tại chỗ là thường gặp ở bệnh lý cột sống người trẻ tuổi. Một số yếu tố về tư thế, cường độ và thời gian lao động có liên quan tới đau cột sống ở nhóm đối tượng này.

KHUYẾN NGHỊ

Cần chú ý tới tư thế lao động và cường độ lao động trong quá trình lao động của người trẻ tuổi từ 18- 35 tuổi nhằm giảm- tránh gây ra đau cột sống trên nhóm đối tượng này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. S. Ganesan, et al.,(2017),"Prevalence and Risk Factors for Low Back Pain in 1,355 Young Adults: A Cross-Sectional Study". *Asian Spine J*,11(4),610-617
2. Keiichi Tanabe, (8-2015),"Survey Study in Prevalence Rate of Low Back Pain and Use of Complementary Alternative Medicine Care in Office Workers in Japan".
3. Isidora Vujcic,(2018),"Low Back Pain Among Medical Students in Belgrade (Serbia): A Cross-Sectional Study". *Free PMC article*
4. Lưu Thị Thu Hà (2012),"Nghiên cứu thực trạng đau thắt lưng ở công nhân nhà máy luyện thép Thái Nguyên và áp dụng một số biện pháp can thiệp",Thái Nguyên,
5. Mbada C E Ayanniyi O, Muolokwu C A.,(2011),"Prevalence and Profile of Back Pain in Nigerian Adolescents". *Medical Principles and Practice*,368-373
6. Diepenmaat AC, van der Wal MF, and de Vet HC,(2006),"Neck/shoulder, low back, and arm pain in relation to computer use, physical activity, stress, and depression among adult adolescents". *Pediatrics*,34 - 40
7. Nguyễn Thu Hà,(2002),"Nghiên cứu điều kiện lao động đặc thù và tình hình đau thắt lưng ở công nhân lái xe Bella mỏ than Cọc Sáu Quảng Ninh". Luận văn Thạc sỹ -Đại học y Hà Nội,
8. Steven P Cohen, (2009),"Management of low back pain". *clinical review*,338-342
9. Zondervan H Burdorf A,(1990),"An epidemiological study of low-back pain in crane operators". *Ergonomics*,33(8),981-987
10. Clausen T Holtermann A, Aust B, Mortensen OS,Andersen LL,(2013),"Risk for low back pain from different frequencies, load mass and trunk postures of lifting and carrying among female healthcare workers". *International Archives of Occupational and Environmental Health*, 86(4),463-470
11. Nguyễn Đình Dũng and Lê Thu Nga,(2004),"Đánh giá gánh nặng lao động ở công nhân là hơi của các công ty May"
12. Nguyễn Ngọc Bích,(2017),"Dấu hiệu tổn thương cơ xương khớp ở công nhân nữ trong một số khu công nghiệp tại Việt

Nam và mối liên quan với một số yếu tố
nghề nghiệp". Tạp chí y học dự phòng tập
27 số 5(259-265